

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 240/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14 - 4 - 2021

V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bích Hợp

2. Ông Phạm Ngọc Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh B tham gia phiên tòa:
Ông Trần An Vinh - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1132/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Ước M, sinh năm: 1992 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 8, KV5, Phường N, Tp. Q, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đại Lộc, sinh năm: 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 8, KV5, Phường N, Tp. Q, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị Ước M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đại L đăng ký kết hôn số: 02/2014 ngày 06/01/2014 tại UBND phường N, thành phố Q, tỉnh B, tự nguyện, có tìm hiểu thời gian 01 năm. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường đến khi

chị mang thai đứa con thứ hai khoảng tháng 9/ 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L ăn chơi, không quan tâm đến vợ con mà còn quan hệ lăng nhăng bên ngoài dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn chị khuyên bảo nhưng anh L không nghe mà còn chửi bới xúc phạm chị. Từ đó chị buồn chán nên về nhà mẹ chị ở từ tháng 12/2016 đến nay, anh L bỏ mặc không quan tâm đến vợ con.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị không thể nào chung sống với anh L được nữa nên chị quyết định xin ly hôn anh L để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có hai con chung: Nguyễn Phan Ngọc K, sinh ngày 04/10/2014 và Nguyễn Phan Ngọc Q, sinh ngày: 23/11/2016. Sức khỏe các cháu bình thường, hiện nay cháu Q đang ở với chị. Còn cháu K đang ở với anh L. Khi ly hôn chị xin nuôi cháu Q. Còn anh Lộc nuôi cháu K. Về việc cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Đại Lộc: Tòa đã thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo theo quy định của pháp luật yêu cầu anh Nguyễn Đại L đến Tòa làm việc nhiều lần nhưng anh L không đến.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Q phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa.

Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị:

- Về hôn nhân: Cho chị Phan Thị Phan Thị Ước M được ly hôn với anh Nguyễn Đại L.

- Về nuôi con chung:

- + Giao con chung Nguyễn Phan Ngọc Q, sinh ngày: 23/11/2016 cho chị Phan Thị Ước M trực tiếp nuôi dưỡng.

- + Giao con chung Nguyễn Phan Ngọc K, sinh ngày 04/10/2014 cho anh Nguyễn Đại L trực tiếp nuôi dưỡng.

- + Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

- Về tài sản chung: Tòa không giải quyết.

- Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Chị M phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về tố tụng:* Anh Nguyễn Đại L - Là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Đại L.

[2] *Về nội dung:* Quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị Ước M và anh Nguyễn Đại L là hôn nhân hợp pháp. Chị M khai rằng hạnh phúc gia đình đổ vỡ là do anh L ham chơi, ngoại tình không quan tâm đến gia đình, chị đã động viên và khuyên nhủ anh L nhưng anh L không nghe mà còn chửi bới, xúc phạm chị. Từ tháng 12/2016 vợ chồng mâu thuẫn gay gắt và tự sống ly thân đến nay không ai quan tâm, chăm sóc đến ai. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh L. Quá trình giải quyết vụ án anh L cố tình vắng mặt không đến Tòa làm việc. Tòa đã tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật yêu cầu anh L đến Tòa làm việc, tạo điều kiện cho anh L hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh L vẫn cố tình vắng mặt.

Xét thấy hôn nhân giữa chị M và anh L không còn thương yêu, quý trọng, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống vợ chồng. Do đó hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của chị M là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung:* Chị M và anh L có 02 con chung là: Nguyễn Phan Ngọc K, sinh ngày 04/10/2014 và Nguyễn Phan Ngọc Q, sinh ngày: 23/11/2016. Sức khỏe các cháu bình thường, hiện nay cháu Q đang ở với chị M. Còn cháu K đang ở với anh L. Khi ly hôn chị M xin nuôi cháu Q. Còn anh L nuôi cháu K. Về việc cấp dưỡng nuôi con chị M không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

Xét thấy hiện nay cháu K đang ở ổn định với anh L và cháu có nguyện vọng muốn ở với anh L. Còn cháu Q đang ở với chị M và cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc tỉ mỉ của người mẹ. Hơn nữa trước khi ly hôn chị M và anh L đã tự thỏa thuận phân chia mỗi người nuôi 01 cháu và các cháu đã ở ổn định, quen với môi trường sống của người trực tiếp nuôi dưỡng. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của các cháu, do đó yêu cầu nuôi con của chị M là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung:* Chị M không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

[5] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Phan Thị Ước M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Ý kiến đề nghị của đại diện viện kiểm sát về nội dung vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Phan Thị Ước M ly hôn anh Nguyễn Đại L.

2. Về nuôi con chung:

- Giao con chung Nguyễn Phan Ngọc Q, sinh ngày: 23/11/2016 cho chị Phan Thị Ước M trực tiếp nuôi dưỡng.

- Giao con chung Nguyễn Phan Ngọc K, sinh ngày 04/10/2014 cho anh Nguyễn Đại L trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không bên nào được ngăn cản..

3. Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phan Thị Ước M phải nộp 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tạm ứng án phí theo biên lai số 0003197 ngày 11/12/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Q. Chị M đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Nguyễn Đại L vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSNDTp.Q;
- UBND P.N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hương